

Bản án số: 16/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2019

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh Ch”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

2. Ông **LÊ VĂN LÂU**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có tham gia.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 743/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **BÙI THỊ T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **TRẦN VĂN CH**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Ch do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ch không quan tâm vợ con, thường hay ghen tuông vô cớ làm cho tình cảm vợ chồng không còn.

Con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Mẫn K, sinh ngày 22/9/1999; Trần Thị H, sinh ngày 18/02/2004 và Trần Duy Kh, sinh ngày 11/07/2005. Hiện

đang sống cùng chị. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch. Con chung chị yêu cầu nuôi cháu H và cháu Kh, anh Chấm không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

- **Bị đơn anh Trần Văn Ch tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng theo anh là không có, do chị T xin đi làm anh không đồng ý nên mới làm đơn xin ly hôn. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì con chung muốn sống với ai tùy con. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ch thường hay chửi mắng chị, đặt điều nói xấu chị làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi nộp đơn cho Tòa án giải quyết ly hôn thì ngày 24/01/2019 chị cùng 02 con ra nhà trọ sống. Chị xác định tình cảm không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Đối với anh Ch thì trình bày do anh lo làm vườn, còn chị T ở nhà quán xuyến việc gia đình nhưng chị còn đòi đi nấu đám thuê, đi từ 2 – 3 giờ sáng đến tối mới về nên anh không đồng ý, anh có nóng tính chửi vợ và trong lúc vợ chồng đang chờ Tòa án giải quyết thì do năn nỉ chị T nhiều lần không được nên anh có nói chị T ra ngoài sống nếu ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay anh rất hối hận, anh còn thương vợ con, anh cam kết sẽ sửa chữa lỗi lầm, anh sẽ không nóng tính, sẽ không chửi chị T nữa, anh mong chị T tha thứ cho anh.

Xét thấy, chị T và anh Ch ở cùng địa phương cũng có quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân vào năm 1997. Hiện nay vợ chồng có 03 người con. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc của chị T đang làm là nấu đám thuê phải đi sớm về muộn không có thời gian chăm sóc gia đình còn anh Ch phải 01 mình canh tác 10.000m² đất vườn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị chưa đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bởi lẽ, chị T cũng thừa nhận anh Ch lúc nóng tính thì có chửi chị nhưng sau đó biết lỗi cũng xin lỗi mong chị tha thứ. Theo xác nhận Ban quản lý ấp 2, xã A thì vợ chồng chị T chưa thấy xích mích gì dẫn đến thưa kiện. Mặc khác tại phiên tòa anh Ch đã biết lỗi, cam kết sẽ sửa chữa việc nóng tính, chửi chị T vì anh còn thương vợ con. Cho nên Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh Ch vẫn còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu ly hôn của chị T không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09439 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

